

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Tel: (84-31) 3823351
Website: <http://www.transco.com.vn>

Fax: (84-31) 3822155
Email: transco@transco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

MỤC LỤC

I) Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

II) Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III) Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

V) Quản trị Công ty

VI) Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2013

Mã chứng khoán : TJC

Tên công ty niêm yết : Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại
- Tên tiếng Anh : Transportation and trading services joint stock company
- Tên viết tắt : Transco
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200387594
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Trụ sở giao dịch : Số 1 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại : (84 - 31) 3842565 Fax : (84-31) 3822155
- Email : transco@transco.com.vn Website : www.transco.com.vn
- Mã cổ phiếu: TJC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại tiền thân là Xí nghiệp dịch vụ - vận tải hàng hoá và hành khách trực thuộc Công ty vận tải biển III, thành viên của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty được cổ phần hoá theo Quyết định số 3827/1999/QĐ-BGTVT ngày 30/12/1999 của Bộ Giao thông vận tải và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 0200387594 ngày 28 tháng 06 năm 2010. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2000 với vốn điều lệ 4 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm đại diện chiếm 30%, vốn của các cổ đông khác chiếm 70%. Từ tháng 5/2010 đến nay vốn điều lệ của Công ty là 60 tỷ đồng.

c. Niêm yết

Ngày 12 tháng 12 năm 2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp giấy chứng nhận số 368/ ĐKGD cho phép Công ty “ được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2007” với mã chứng khoán TJC.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch lần đầu tiên vào ngày 17 tháng 12 năm 2007.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải , dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hoá, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;

b. Tình hình hoạt động

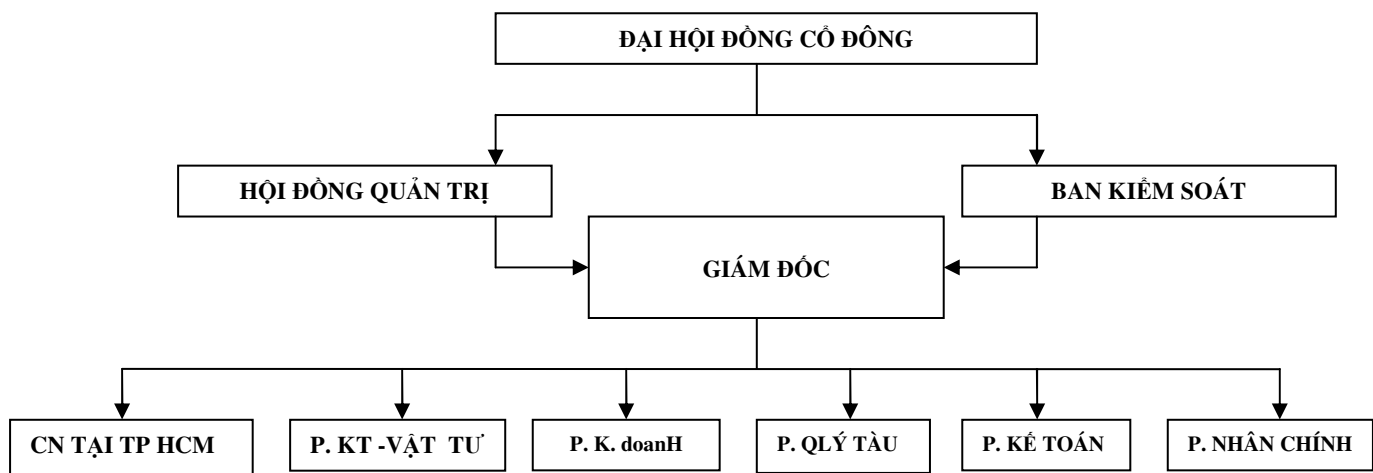
Với những nỗ lực của cán bộ công nhân viên Công ty và sự hỗ trợ từ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, sau gần 15 năm hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại đã không ngừng lớn mạnh và phát triển. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 4 tỷ đồng năm 2000 lên 10 tỷ đồng năm 2004, tháng 11 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty đạt 30 tỷ đồng, tháng 5/2010 vốn điều lệ của Công ty đã đạt 60 tỷ đồng. . Lúc bắt đầu cổ phần hoá Công ty chỉ có 01 tàu với trọng tải 8.294DWT, đến nay đội tàu của Công ty gồm 03 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 22.640DWT. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu ở 02 mảng: khai thác vận tải và dịch vụ vận tải. Các hợp đồng vận chuyển hầu hết đã được ký trước với các bạn hàng truyền thống. Đội tàu được khai thác chủ yếu ở các tuyến Đông Nam á và Đông Bắc á chở chủ yếu là loại hàng rời, hàng bao và hàng bách hoá. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đầu tư phát triển đội tàu, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Với đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Công ty luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty hàng hải Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty trong năm 2013 như sau:

- Hội đồng quản trị : gồm 06 thành viên

- Ban kiểm soát : gồm 03 thành viên
- Ban Giám đốc : 01 Giám đốc, 01 phó giám đốc
 - Khối quản lý : gồm 05 phòng ban chức năng, 01 chi nhánh.
 - + Phòng Quản lý tàu
 - + Phòng Kế toán
 - + Phòng Kinh doanh
 - + Phòng Nhân chính
 - + Phòng kỹ thuật Vật tư
 - + Chi nhánh tại TP HCM



5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Về kinh doanh đội tàu: Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống vận chuyển hàng nội địa, xuất nhập khẩu theo tuyến Đông Nam á, đồng thời khai thác các tuyến vận chuyển mới ở các tuyến xa hơn.

- Về hoạt động dịch vụ: đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển thị trường dịch vụ hàng container, hàng bao, hàng rời, mở rộng quan hệ với các hãng tàu, khách hàng lớn có nguồn hàng vận chuyển ổn định.

- Tiếp tục công tác tuyển dụng thuyền viên, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng các chức danh sỹ quan đã có kinh nghiệm đi tàu để nhanh chóng hoàn thiện thuyền bộ cho các tàu của Công ty.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển thành doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải có trình độ và năng lực cạnh tranh quốc tế, cung cấp các dịch vụ vận tải biển và giao nhận hàng

hoá có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước trong đó kinh doanh vận tải biển là chủ lực.

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư phát triển, trẻ hóa đội tàu và tăng cường năng lực vận tải. Theo đó Công ty sẽ thực hiện bán tàu cũ vào những thời điểm thích hợp, sử dụng nguồn vốn tái đầu tư mua 01 tàu có trọng tải 8.000 - 15.000DWT.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ hàng hải và vận tải, tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh dịch vụ khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá.

- Nghiên cứu mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ các nhà máy sản xuất xi măng trong và ngoài nước.

6. Các rủi ro:

a) Rủi ro kinh doanh:

Trong năm 2013, nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu có dấu hiệu phục hồi nhưng thị trường vận tải biển vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình cạnh tranh vận tải biển tại Việt Nam hết sức gay gắt. Thị phần vận tải biển Việt Nam hơn 85% là do các hãng tàu ngoại nắm giữ. Giá cước vận tải vẫn ở mức thấp, các chi phí đầu vào vẫn liên tục tăng cao như nhiên liệu, sửa chữa, cảng phí... ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt ngày càng nhiều các Công ty hoạt động về lĩnh vực vận tải trong và ngoài nước nên sự cạnh tranh về giá cước rất khốc liệt.

b) Rủi ro bất khả kháng:

Ngành hàng hải là một trong những lĩnh vực kinh doanh có nhiều rủi ro nhất bao gồm những rủi ro bất khả kháng do thiên tai, dịch họa, bão lụt, chiến tranh..., có thể gây ra tổn thất đối với phương tiện vận tải, hàng hoá và con người trên tàu.

c) Rủi ro về tỷ giá:

Lĩnh vực kinh doanh vận tải của Công ty chủ yếu là vận tải quốc tế nên doanh thu thu về chủ yếu là bằng đồng đô la Mỹ. Mặt khác đầu tư phát triển đội tàu với giá trị lớn hầu hết đều mua ở nước ngoài nên khoản vay Ngân hàng để đầu tư đều bằng đồng đô la Mỹ. Do vậy sự tăng giảm của tỷ giá USD/VNĐ sẽ tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo Báo cáo tài chính của Công ty năm 2013 đã được kiểm toán :

- Doanh thu : 230.205.217.571 đồng
- Lãi trước thuế : 2.986.468.121 đồng

Bảng 1 : So sánh tình hình thực hiện năm 2013 với kế hoạch năm 2013

Đơn vị : triệu đồng

STT	TÊN CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu	170.000	230.205	135,4%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.000	2.986	298,6%
3	Tỷ lệ LN sau thuế/ tổng doanh thu (%)	0,59	1,3	
4	Tỷ lệ LN sau thuế/ vốn điều lệ (%)	1,67	4,83	
5	Cổ tức / Cổ phiếu(%/vốn điều lệ)	0	0	

Năm 2013 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có sự khởi sắc rõ rệt so với năm trước. Đầu năm Công ty đã bán tàu Transco Sun do tàu quá cũ khai thác không hiệu quả. Việc bán tàu giúp Công ty cơ cấu trẻ hoá đội tàu, nhờ vậy chi phí được kiểm soát tốt hơn, các tàu đều ở trong trạng thái kỹ thuật tốt, không có tàu nào phải lên đà sửa chữa, đội tàu được khai thác hiệu quả hơn trước, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và hoạt động có lãi. Mặt khác Công ty tích cực đẩy mạnh mảng kinh doanh dịch vụ vận tải như chuyển tải xi măng, clinker, dịch vụ hàng container... đem lại hiệu quả cao. Kết thúc năm 2013, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 230,2 tỷ đồng, tăng 23,3% so với năm 2012 và bằng 135,4% kế hoạch đặt ra. Giá vốn hàng bán năm 2013 là 212,7 tỷ đồng, tăng 15,4% so với năm 2012 do các chi phí đầu vào như cảng phí, nhiên liệu, sửa chữa, bảo hiểm... vẫn giữ ở mức cao.

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến kết thúc năm 2013 tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty đạt: 2.986.468.121 đồng, bằng 298,6% kế hoạch đề ra và tăng hơn 12,3 tỷ đồng so với năm trước (năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty lỗ hơn 9,4 tỷ đồng).

2. Tổ chức và nhân sự:

*** Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

a. Ông **Lê Tất Hưng** - Giám đốc điều hành

- Sinh ngày : 20/04/1964
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số điện thoại : 0913244180
- Số CMTND : 030679230
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành công ty
- Nơi ở hiện nay : Khu 9, Phường Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :
 - + Từ 1988 đến 06/2002 : công tác tại Công ty vận tải biển III, kiêm uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.
 - + Từ 6/2002 đến 12/10/2009 : Uỷ viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
 - + Từ 12/10/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 110.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 1.800.000 cổ phần

b. Ông **Phan Duy Vân** - Phó Giám đốc Công ty

- Sinh ngày : 18/05/1966
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số điện thoại : 0912452896
- Số CMTND : 030802311
- Chức vụ hiện nay : uỷ viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc công ty
- Nơi ở hiện nay : Số 9 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng bàng, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác máy tàu thủy
- Quá trình công tác :
 - + Từ 01/2001 đến 02/2003 : Sỹ quan máy Công ty vận tải biển III.
 - + Từ 02/2003 đến 10/2004 : cán bộ phòng kinh doanh Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
 - + Từ 10/2004 đến 04/2007: cán bộ phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.

+ Từ 04/2007 đến 07/2008: Phó phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.

+ Từ 07/2008 đến 09/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật-vật tư Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.

+ Từ 09/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.

+ Từ 05/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 32.200 cổ phần

b. Bà Trần Thị Kim Lan - Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 22/01/1962

- Giới tính : Nữ

- Nơi sinh : Hải Phòng

- Số CMTND : 030168425

- Số điện thoại : (031)3823351

- Nơi ở hiện nay : Số 1 cảng 2 Lê Lợi, phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Quá trình công tác :

+ Từ 1985 - 1997 : Cán bộ Thương vụ Công ty vận tải biển III.

+ Từ 4/1997 - 5/2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán Cty vận tải biển III.

+ Từ 5/2001 đến nay : Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và TM , từ tháng 5/2008 đến nay : kiêm ủy viên HĐQT Công ty.

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và thương mại kiêm ủy viên HĐQT Công ty.

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải sông

- Số cổ phần nắm giữ : 21.000 cổ phần

***Tình hình biến động nhân sự của Ban điều hành :** Tháng 09/2013 Công ty bổ nhiệm thêm ông Phan Duy Vân giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

+ Số lượng cán bộ công nhân viên trong công ty : 158 người

+ Chính sách đối với người lao động :

- Chế độ làm việc : Người lao động trong công ty đều có hợp đồng theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày / tuần và 8 giờ/ ngày.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo nhân lực : Đối với thuyền viên, thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên trực tiếp ngay tại Công ty và trên các phương tiện vận tải biển, gửi thuyền viên tham dự các khoá đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành tại các cơ sở đào tạo thuyền viên chuyên nghiệp trong nước. Các sỹ quan thuyền viên mới tuyển dụng phải trải qua các khoá huấn luyện ngắn hạn trước khi đưa xuống các phương tiện vận tải. Đối với lao động gián tiếp, công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi : Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân , tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Quy chế lương của Công ty xây dựng trên cơ sở khuyến khích tối đa mức độ đóng góp của nhân viên, định kỳ hai lần trong năm Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật hợp đánh giá mức độ cống hiến của từng nhân viên trong Công ty, trên cơ sở đó đề ra mức khen thưởng lợi ích cụ thể với từng người, điều này đã khuyến khích cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty. Hằng năm, Công ty có tổ chức cho Cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	227.802.434.872	190.025.445.082	- 16,58%
Doanh thu thuần	186.689.000.478	230.205.217.571	23,31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(9.671.753.891)	4.201.682.954	

Lợi nhuận khác	264.688.868	(1.215.214.833)	
Lợi nhuận trước thuế	(9.407.065.023)	2.986.468.121	
Lợi nhuận sau thuế	(9.407.065.023)	2.986.468.121	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(1.568)	498	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,65 0,47	0,83 0,66	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: + Hệ số nợ/Tổng tài sản + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,65 1,86	0,56 1,3	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14,51 0,81	21,77 1,21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	-0,05 -0,11 -0,04 -0,05	0,01 0,03 0,01 0,01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 6.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Chi tiết về cơ cấu cổ đông tính đến ngày 16/04/2013:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	5,982,775	59,827,775,000	99,71	17,225	172,225,000	0.29	6,000,000	60,000,000,000	100
<i>1. Cổ đông Nhà nước</i>	1,800,000	18,000,000,000	30				1,800,000	18,000,000,000	30
<i>2. Cổ đông đặc biệt</i>	233,262	2,332,620,000	3,89				233,262	2,332,620,000	3,89
- Hội đồng quản trị	221,000	2,210,000,000	3,68				221,000	2,210,000,000	3,68
- Ban giám đốc	-	-					-	-	
- Ban kiểm soát	12,262	122,620,000	0,2				12,262	122,620,000	0,2
- Kế toán trưởng									
<i>3. Cổ đông trong công ty:</i>	138,714	1,387,140,000	2,31				138,714	1,387,140,000	2,31
- Cán bộ công nhân viên	138,714	1,387,140,000	2,31				138,714	1,387,140,000	2,31
<i>4. Cổ đông ngoài công ty:</i>	3,810,799	38,107,990,000	63,51				3,827,999	38,279,990,000	63,80
- Cá nhân	3,759,306	37,593,060,000	62,65	17,225	172,225,000	0,29	3,776,531	37,765,310,000	62,94
- Tổ chức	51,493	514,930,000	0,86				51,468	514,680,000	0,86
II. Cổ phiếu quỹ									

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	5,982,775	59,827,775,000	99,71	17,225	172,225,000	0.29	6,000,000	60,000,000,000	100
<i>1 Cổ đông sáng lập</i>	274,599	2,745,990,000	4,58				274,599	2,745,990,000	4,58
<i>2. Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	1,800,000	18,000,000,000	30				1,800,000	18,000,000,000	30
<i>3. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	3,908,176	39,081,760,000	65,13	17,225	172,225,000	0,29	3,925,401	39,254,010,000	65,42

- Chi tiết về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên :
 - + Tên cổ đông : Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
 - + Số cổ phần nắm giữ : 1.800.000 cổ phần
 - + Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0106000600 - Sở Kế hoạch Đầu tư Hà nội cấp ngày 27/09/2007
 - + Địa chỉ :Toà nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội
 - + Người đại diện : Lê Tất Hưng -Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 tình hình thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới trong quý IV/2013 đã có xu hướng tăng nhẹ nhưng xét tổng thể cả năm vẫn chưa có những chuyển biến tích cực rõ rệt. Đội tàu của Công ty tiếp tục hoạt động chủ yếu trong khu vực Đông Nam và Bắc Á với mặt bằng giá cước vận chuyển cho cỡ tàu dưới 10.000 tấn chưa có nhiều thay đổi đáng kể trong khi các yếu tố giá thành đầu vào vẫn duy trì ở mức cao như nhiên liệu, sửa chữa, cảng phí, bảo hiểm. Điều kiện thời tiết tại các cảng trong quý II + III không mấy thuận lợi, mưa nhiều cùng với tần suất liên tục xuất hiện các cơn bão từ phía Đông Phillippines (Thái Bình Dương) làm chậm trễ tiến độ giải phóng tàu, thời gian hành trình của tàu bị kéo dài do phải neo tránh bão. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc cùng với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên toàn Công ty, kết thúc năm 2013 Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch 21,11% tổng sản lượng vận tải biển, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 35,4% so với kế hoạch và tăng 23,3% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế tăng 198,6% so với kế hoạch và tăng hơn 12,3 tỷ đồng so với năm trước. Năm 2013 ghi nhận sự tăng trưởng đột phát của hoạt động dịch vụ do Công ty đã mở rộng và thực hiện tốt khâu dịch vụ trung chuyển sà lan hàng xi măng, clinker trong khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh cho Công ty xi măng Chinfon, hiện theo đánh giá của chủ hàng thì Công ty đang dẫn đầu trong 05 đơn vị tham gia trung chuyển về chất lượng

vận tải, sự phối hợp tốt trong việc trao đổi thông tin ở văn phòng cũng như khả năng tác nghiệp tại nhà máy, tàu biển.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 :

+ Tổng giá trị tài sản	: 190.025.445.082 đồng
Trong đó : - Tài sản ngắn hạn	: 37.374.269.577 đồng
- Tài sản dài hạn	: 152.651.175.505 đồng
+ Tổng nguồn vốn	: 190.025.445.082 đồng
Trong đó: - Nợ phải trả	: 107.413.507.901 đồng
- Vốn chủ sở hữu	: 82.611.937.181 đồng

Công ty hiện đang khai thác trên 03 con tàu với tổng trọng tải 22.640 DWT. Tàu Transco Star và tàu Transco Sky có độ tuổi bình quân 15 -16 tuổi, còn tàu Hà Tây đã già cỗi nên phát sinh rất nhiều chi phí sửa chữa, bảo hiểm, chi phí quản lý..., hạn chế khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên tàu Hà Tây có nguồn hàng vận chuyển ổn định nên vẫn mang lại lợi nhuận cho Công ty. Đầu năm 2013 Công ty đã bán tàu Transco Sun do tàu đã quá cũ khai thác không hiệu quả. Việc bán tàu đã giúp Công ty cơ cấu trẻ hóa đội tàu, nhờ vậy chi phí được kiểm soát tốt hơn, các tàu đều ở trong tình trạng kỹ thuật tốt, không có tàu nào phải lên đà sửa chữa, đội tàu được khai thác hiệu quả hơn trước, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và kinh doanh có lãi.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nhìn chung Công ty đều thanh toán các khoản nợ cho khách hàng tương đối đều đặn và ổn định theo đúng quy định trong hợp đồng. Đến cuối năm 2013 Công ty còn nợ Ngân hàng Công thương Hồng Kông là 3,5 triệu USD tiền đầu tư mua 02 tàu Transco Star và Transco Sky. Công ty luôn cân đối nguồn vốn để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng thời hạn. Việc điều chỉnh tỷ giá USD/VNĐ của Ngân hàng nhà nước trong tháng 6/2013 cũng làm tăng thêm chi phí hoạt động tài chính cho Công ty, tuy nhiên cũng không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh cả năm 2013 của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2013, Công ty liên tục rà soát để phân loại, đào tạo lại những thuyền viên có năng lực yếu kém, không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công việc, đào tạo nâng cao trình độ quản lý và vận hành tàu của các sỹ quan thuyền viên, tăng cường tuyển dụng những thuyền viên có trình độ cao để hoàn thiện bộ máy thuyền bộ của Công ty.

Xây dựng quy chế tiền lương mới để kích thích người lao động làm việc có trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Thị trường vận tải biển dự báo tiếp tục còn nhiều khó khăn trước mắt. Nhu cầu vận chuyển hàng vẫn chưa nhiều trong khi dư thừa tấn trọng tải. Do đó, các công ty vận tải biển cần có chiến lược cơ cấu lại đội tàu cho phù hợp với nguồn hàng vận chuyển, năng lực khai thác. Đồng thời nâng cao năng lực quản lý, điều hành, siết chặt các khoản mục chi phí để duy trì hoạt động khai thác tàu, đảm bảo cân bằng hoặc có lãi nhất định, vượt qua giai đoạn khó khăn. Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

a, Cơ cấu lại và trẻ hóa đội tàu bằng cách bán bớt tàu già cũ:

+ Năm 2014 sẽ bán tàu Hà Tây do tuổi tàu đã quá cao, đồng thời chuẩn bị nguồn vốn đối ứng, tiếp tục làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để tìm kiếm nguồn vốn đầu tư thêm một vài chiếc tàu hàng khô trọng tải từ 8.000 – 15.000 DWT đã qua sử dụng phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

b, Tiếp tục duy trì vận tải mặt hàng xuất nhập khẩu than, thạch cao truyền thống trên tuyến Việt Nam – Thái Lan. Đồng thời tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các khách hàng Hàn Quốc, Nhật Bản có uy tín để cho thuê tàu định hạn.

c, Nâng cao năng lực quản lý, siết chặt hợp lý các khoản mục chi phí trong giá thành vận tải, đặc biệt là nhiên liệu và sửa chữa.

d, Đẩy mạnh hơn nữa mảng hoạt động dịch vụ logistic và đại lý vận tải, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dịch vụ, từng bước nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

e, Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý của CBCNV viên cũng như sỹ quan, thuyền viên dưới tàu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giảm thiểu những sai sót, rủi ro trong quá trình vận hành và khai thác tàu.

Căn cứ vào tình hình thị trường, nhận thức trách nhiệm với các cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, Ban giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2014
1	Tổng sản lượng	Tấn	830.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	185.800
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.000

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

*** Về sản xuất kinh doanh:**

Trong khi tình hình thị trường vận tải biển trong khu vực còn nhiều biến động thất thường, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế giúp Công ty đối phó với những thay đổi của thị trường. Để cơ cấu lại đội tàu, nắm bắt thị trường sắt vụn có xu hướng tăng nhẹ, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai công tác bán tàu Transco Sun từ tháng 12 năm trước do tàu quá cũ khai thác không có lãi và bán thành công tàu vào tháng 2/2013 đảm bảo đúng các quy định và giá cả phù hợp với thị trường.

Trong điều kiện vận tải vẫn còn nhiều khó khăn do giá nhiên liệu vẫn ở mức cao, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, sửa chữa, tiết kiệm ngày tàu, khai thác hàng hai chiều, đầy tải, giảm bớt thời gian tàu nằm sửa chữa, chờ hàng, chờ cầu bến. Do vậy năm nay lợi nhuận thuần từ kinh doanh vận tải đã có lãi, trong khi năm trước bị lỗ. Đặc biệt từ năm 2013 Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban giám đốc đặc biệt chú trọng phát triển mảng dịch vụ logistic, tìm khách hàng mới, quan tâm chăm sóc khách hàng truyền thống. Do vậy năm 2013 lợi nhuận từ kinh doanh dịch vụ cũng mang lại kết quả tốt hơn trước (tăng 341,4% so với năm 2012).

Đồng thời với công tác sản xuất kinh doanh, Công ty cũng luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của CBCNV, đặc biệt các chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội đều được thực hiện đúng theo quy định và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

*** Về công tác đầu tư:**

Sau khi bán tàu Transco Sun, Công ty cũng đã triển khai công tác tìm tàu phù hợp với điều kiện khai thác hàng và tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên cho đến cuối năm Công ty vẫn chưa mua được tàu phù hợp. Hiện tại Hội đồng quản trị vẫn đang chỉ đạo Ban giám đốc tiếp tục triển khai công tác tìm tàu để đầu tư thêm 01 chiếc vào năm 2014 để cơ cấu trẻ hoá đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh và khai thác của Công ty.

2)Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:

Công tác chỉ đạo kinh doanh của Ban giám đốc luôn theo sát kế hoạch và phương hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện vượt mức các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban giám đốc làm việc tích cực, làm việc có trách nhiệm, luôn bám sát các công việc hàng ngày, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, quán triệt tinh thần tiết kiệm chi phí trong khai thác quản lý tàu. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được triển khai kịp thời đến các cấp quản lý và các phương tiện.

Kết hợp với công tác chuyên môn, Ban giám đốc luôn quan tâm đến đời sống của CBCNV, tạo sự đoàn kết nhất trí, làm việc nhiệt tình của CBCNV và sỹ quan thuyền viên.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị Công ty gồm 06 người trong đó số thành viên độc lập không điều hành 03 người ; 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty, 01 Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc công ty, 01 Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty.

- a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2013:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN NHÀ NƯỚC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Lê Tất Hưng	030679230	Giám đốc/ Chủ tịch HĐQT/ Đại diện vốn của TCT Hàng hải VN	110.000	1.800.000	31.83%	0
2	Đỗ Văn Hội	030840161	Phó chủ tịch HĐQT	15.000		0..25%	0
3	Vương Ngọc Sơn	031288529	Ủy viên TT HĐQT	5.000		0.08%	0
4	Phan Duy Vân	030802311	Ủy viên HĐQT	32.200		0.54%	0
5	Trần Thị Kim Lan	030168425	Ủy viên HĐQT	21.000		0.35%	0
6	Mai Xuân Ngoạt	030767200	Ủy viên HĐQT	37.800		0.46%	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng/ lần, tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý trước và đưa ra phương hướng kế hoạch cho quý sau. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo công tác điều hành trong các lĩnh vực, sửa chữa, an toàn hàng hải, nhân sự.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty: không có

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 người trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 uỷ viên.

a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2013:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Đỗ Ngọc Thao	131095809	Trưởng ban kiểm soát	12.000	0.2%	0
2	Bùi Ngọc Thanh	030969366	Ủy viên ban kiểm soát	62	0.001%	0
3	Đan Hải Long	030946351	Ủy viên ban kiểm soát	200	0.003%	0

b) Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ hàng quý kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong báo cáo quyết toán tài chính quý và năm của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý:

* Thù lao HĐQT, ban kiểm soát năm 2013: 144.000.000 đồng/ năm, cụ thể như sau:

- + Thành viên HĐQT: 1.500.000đ/người/tháng
- + Thành viên ban kiểm soát: 1.000.000đ/người/tháng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO NĂM 2013
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Tất Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm GĐ	18.000.000
2	Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch HĐQT	18.000.000
3	Vương Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT	18.000.000
4	Phan Duy Vân	Ủy viên HĐQT kiêm Phó GĐ (từ T6/2013 đến T12/2013)	10.500.000
5	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên HĐQT kiêm KT trưởng	18.000.000
6	Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên HĐQT	18.000.000
7	Cao Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT(từ T1/2013 đến T5/2013)	7.500.000
II	Ban kiểm soát		
1	Đỗ Ngọc Thao	Trưởng BKS	12.000.000
2	Bùi Ngọc Thanh	Ủy viên BKS	12.000.000
3	Đan Hải Long	Ủy viên BKS	12.000.000

* Chi phí hội họp, hoạt động khác của HĐQT: chờ Đại hội đồng cổ đông năm 2013 thông qua mức trích.

* Các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : Không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Năm 2013, bà Phan Thị Hải - người có liên quan tới ông Phan Duy Vân - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty có bán 1.000 cổ phiếu TJC.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị liên tục học hỏi, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao năng lực quản trị Công ty. Tăng tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị có tham gia điều hành Công ty để nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, nâng cao hiệu quả quản trị Công ty. Tăng cường công tác chỉ đạo tiết giảm chi phí, điều hành khai thác tàu theo những tuyến hợp lý.

VI. Báo cáo tài chính

a) Kiểm toán độc lập :

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.374.269.577	43.538.156.871
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.496.170.013	2.687.626.063
111	1. Tiền		14.496.170.013	2.687.626.063
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.853.691.710	24.203.997.269
131	1. Phải thu của khách hàng		4.547.602.340	3.502.369.899
132	2. Trả trước cho người bán		305.616.742	221.023.010
135	5. Các khoản phải thu khác	4	9.186.244.258	20.666.375.990
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(185.771.630)	(185.771.630)
140	IV. Hàng tồn kho	5	7.682.372.605	11.857.620.662
141	1. Hàng tồn kho		7.682.372.605	11.857.620.662
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.342.035.249	4.788.912.877
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		27.538.000	4.951.818
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		913.530.139	4.263.080.860
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.543.977	4.543.977
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		396.423.133	516.336.222
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		152.651.175.505	184.264.278.001
220	II. Tài sản cố định		150.854.103.796	184.250.078.001
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	143.598.807.796	174.693.501.597
222	- Nguyên giá		245.325.519.916	268.728.363.825
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(101.726.712.120)	(94.034.862.228)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.282.609.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(27.313.900)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.301.280.404
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.797.071.709	14.200.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.782.871.709	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		14.200.000	14.200.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		190.025.445.082	227.802.434.872

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		107.413.507.901	148.176.965.812
310	I. Nợ ngắn hạn		44.547.020.111	66.444.150.872
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	18.951.235.000	28.896.143.417
312	2. Phải trả người bán		14.483.767.302	22.094.742.116
313	3. Người mua trả tiền trước		1.056.884.359	1.330.514.515
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	47.384.483	42.227.929
315	5. Phải trả người lao động		3.093.445.878	1.153.754.476
316	6. Chi phí phải trả	11	4.302.668.935	8.194.967.027
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	2.377.187.008	4.396.756.246
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		234.447.146	335.045.146
330	II. Nợ dài hạn		62.866.487.790	81.732.814.940
334	4. Vay và nợ dài hạn	13	62.866.487.790	81.732.814.940
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.611.937.181	79.625.469.060
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	82.611.937.181	79.625.469.060
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.169.335.000	17.169.335.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.047.519.690	2.047.519.690
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.543.003.763	2.543.003.763
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		852.078.728	(2.134.389.393)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		190.025.445.082	227.802.434.872

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	230.205.217.571	186.689.000.478
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		230.205.217.571	186.689.000.478
11	4. Giá vốn hàng bán	16	212.704.984.283	184.220.221.364
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.500.233.288	2.468.779.114
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	578.030.921	302.306.985
22	7. Chi phí tài chính	18	6.587.425.253	5.717.511.633
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4.969.283.806</i>	<i>5.578.654.027</i>
24	8. Chi phí bán hàng	19	1.608.139.191	1.164.924.279
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	5.681.016.811	5.560.404.078
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.201.682.954	(9.671.753.891)
31	11. Thu nhập khác	21	16.561.891.755	388.494.967
32	12. Chi phí khác	22	17.777.106.588	123.806.099
40	13. Lợi nhuận khác		(1.215.214.833)	264.688.868
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.986.468.121	(9.407.065.023)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.986.468.121</u>	<u>(9.407.065.023)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	498	(1.568)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		238.470.254.356	189.618.937.738
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(200.633.474.630)	(184.635.193.929)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.911.643.256)	(19.273.169.359)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(5.770.849.397)	(6.362.183.234)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(73.040.456)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		37.457.961.260	27.414.632.899
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.258.047.466)	(12.099.617.536)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.354.200.867	(5.409.633.877)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(22.946.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.413.363.637	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.930.660	204.282.631
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.435.294.297	181.336.631
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.754.340.206	31.000.027.159
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(36.744.753.623)	(44.129.104.126)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(29.990.413.417)	(13.129.076.967)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.799.081.747	(18.357.374.213)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.687.626.063	21.055.054.619
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.462.203	(10.054.343)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	14.496.170.013	2.687.626.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 ngày 28 tháng 10 năm 2010 do Sở Đầu tư Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Nơi thành lập
và hoạt động

Hoạt động kinh doanh
chính

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Số 11 A Lầu 1 - Hoàng Diệu -
Phường 12 - Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ vận tải

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200387594 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2012, do 4 tàu của Công ty đều đến đà sửa chữa và đến năm 2013, các tàu vận tải biển này đều đã tham gia hoạt động kinh doanh liên tục, không phải gián đoạn để sửa chữa, điều này đã góp phần mang lại kết quả kinh doanh năm 2013 tốt hơn so với năm 2012.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 - 15 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	502.376.380	591.875.752
Tiền gửi ngân hàng	13.993.793.633	2.095.750.311
	<u><u>14.496.170.013</u></u>	<u><u>2.687.626.063</u></u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star ⁽¹⁾	7.143.470.512	18.009.003.857
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Sky ⁽²⁾	1.554.311.516	2.648.821.927
Phải thu tiền hàng hỏng do vận chuyển	488.386.630	-
Phải thu khác	75.600	8.550.206
	9.186.244.258	20.666.375.990

(1) Khoản phải thu các chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star theo quy định tại các hợp đồng vận tải. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi các bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

(2) Khoản phải thu các chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Sky theo quy định tại các hợp đồng vận tải. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi các bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.682.372.605	11.857.620.662
	7.682.372.605	11.857.620.662

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	268.597.433.004	130.930.821	268.728.363.825
Thanh lý, nhượng bán	(23.307.322.519)	-	(23.307.322.519)
Chuyển thành CCDC theo TT45	-	(95.521.390)	(95.521.390)
Tại ngày 31/12/2013	245.290.110.485	35.409.431	245.325.519.916
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	93.923.139.433	111.722.795	94.034.862.228
Trích khấu hao	15.508.846.059	1.912.165	15.510.758.224
Thanh lý, nhượng bán	(7.740.682.803)	-	(7.740.682.803)
Chuyển thành CCDC theo TT45	-	(78.225.529)	(78.225.529)
Tại ngày 31/12/2013	101.691.302.689	35.409.431	101.726.712.120
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	174.674.293.571	19.208.026	174.693.501.597
Tại ngày 31/12/2013	143.598.807.796	-	143.598.807.796

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 143.598.807.796 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.482.740.918 đồng.

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	7.255.296.000	27.313.900	7.282.609.900
Giảm khác	-	(27.313.900)	(27.313.900)
Tại ngày 31/12/2013	7.255.296.000	-	7.255.296.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	-	27.313.900	27.313.900
Giảm khác	-	(27.313.900)	(27.313.900)
Tại ngày 31/12/2013	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	7.255.296.000	-	7.255.296.000
Tại ngày 31/12/2013	7.255.296.000	-	7.255.296.000

Tài sản cố định vô hình Công ty còn đang theo dõi là quyền sử dụng lâu dài diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng, hiện đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	-	280.317.672
Tăng trong năm	4.718.323.373	2.087.070.078
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(2.935.451.664)	(2.367.387.750)
Tại ngày cuối năm	1.782.871.709	-
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa định kỳ tàu Transco Sky chờ phân bổ	1.782.871.709	-
	1.782.871.709	-

9 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.490.000.000	12.019.233.417
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	-	6.339.233.417
- Vay cá nhân ⁽¹⁾	6.490.000.000	5.680.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.461.235.000	16.876.910.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.461.235.000	16.876.910.000
(Xem thuyết minh 13)		
	18.951.235.000	28.896.143.417

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Các khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân với thời hạn dưới 1 năm lãi suất bằng lãi suất ngân hàng thương mại mà Công ty đang giao dịch, định kỳ 01 tháng xác định lãi suất 01 lần vào ngày 05 hàng tháng.

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	47.384.483	42.227.929
	<u>47.384.483</u>	<u>42.227.929</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.194.105.572	1.995.671.163
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sun	-	3.200.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sky	-	2.200.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Star	2.400.000.000	-
Chi phí phải trả khác	708.563.363	799.295.864
	<u>4.302.668.935</u>	<u>8.194.967.027</u>

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	33.660.268	-
Phải trả cho Vinaship	914.362.597	1.364.195.342
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	1.292.559.044	2.609.150.135
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thừa	94.221.240	153.934.722
Phải trả, phải nộp khác	42.383.859	269.476.047
	<u>2.377.187.008</u>	<u>4.396.756.246</u>

13 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	62.866.487.790	81.732.814.940
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	62.866.487.790	81.732.814.940
	<u>62.866.487.790</u>	<u>81.732.814.940</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/HDDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 04 ngày 15 tháng 01 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư gốc vay dài hạn tại thời điểm cuối năm là 1.783.574 USD, tương đương với 37.606.657.790 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 325.000 USD, tương đương với 6.852.625.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.789.000 USD, tương đương với 37.721.065.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 266.000 USD, tương đương với 5.608.610.000 đồng.

Cả 2 hợp đồng vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu chở hàng khô Hà Tây trọng tải 8.294 DWT, tàu Transco Star, tàu Transco Sky và quyền sử dụng diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 và 02/TSC-HB/2010 ngày 13 tháng 08 năm 2010.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.461.235.000	16.876.910.000
Trong năm thứ hai	21.316.935.000	19.686.260.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	41.549.552.790	62.046.554.940
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(12.461.235.000)	(16.876.910.000)
Số phải trả sau 12 tháng	62.866.487.790	81.732.814.940

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012							
Tại ngày 01/01/2012	60.000.000.000	17.169.335.000	(11.243.466)	2.007.495.080	2.522.991.459	7.458.727.309	89.147.305.382
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(9.407.065.023)	(9.407.065.023)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	40.024.610	20.012.304	(60.036.914)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc	-	-	-	-	-	(126.014.765)	(126.014.765)
Giảm khác	-	-	11.243.466	-	-	-	11.243.466
Tại ngày 31/12/2012	60.000.000.000	17.169.335.000	-	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.134.389.393)	79.625.469.060
Năm 2013							
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000.000	17.169.335.000	-	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.134.389.393)	79.625.469.060
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	2.986.468.121	2.986.468.121
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	60.000.000.000	17.169.335.000	-	2.047.519.690	2.543.003.763	852.078.728	82.611.937.181

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	18.000.000.000	30,00%	18.000.000.000	30,00%
Vốn góp của cổ đông khác	42.000.000.000	70,00%	42.000.000.000	70,00%
	60.000.000.000	100%	60.000.000.000	100%

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.047.519.690	2.047.519.690
Quỹ dự phòng tài chính	2.543.003.763	2.543.003.763
	4.590.523.453	4.590.523.453

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	162.986.621.501	147.189.225.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.218.596.070	39.499.774.756
	230.205.217.571	186.689.000.478

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	150.029.096.305	146.768.829.317
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.675.887.978	37.451.392.047
	212.704.984.283	184.220.221.364

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	21.930.660	177.577.277
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	556.100.261	32.334.516
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	92.395.192
	578.030.921	302.306.985

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.969.283.806	5.578.654.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.583.813.227	138.857.606
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.328.220	-
	6.587.425.253	5.717.511.633

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.608.139.191	1.164.924.279
	1.608.139.191	1.164.924.279

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	37.188.061	55.971.326
Chi phí nhân công	4.018.743.080	4.072.539.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.912.165	3.737.974
Thuế, phí, lệ phí	11.513.000	7.463.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.902.976	727.964.901
Chi phí khác bằng tiền	563.757.529	692.726.889
	5.681.016.811	5.560.404.078

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản (*)	14.927.272.727	-
Thu nhập từ bán sắt thép phế liệu, dầu tồn	356.395.064	154.251.000
Thu nhập từ tiền phạt, thưởng phải thu khách hàng	1.156.000.856	125.373.349
Thu nhập khác	122.223.108	108.870.618
	16.561.891.755	388.494.967

(*) Trong năm 2013 Công ty bán thanh lý tàu Transco Sun, tại thời điểm nhượng bán nguyên giá của tàu Sun là 23.307.322.519 đồng, giá trị còn lại là 15.566.639.716 đồng.

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	15.566.639.716	-
Chi phí nhiên liệu bán thanh lý	355.763.068	-
Tiền bồi thường, nộp phạt theo hợp đồng	510.286.598	-
Chi phí khắc phục sự cố tàu Star không được bảo hiểm bồi thường	1.327.297.805	-
Chi phí khắc phục sự cố máy chính tàu Transco Sky	-	113.527.016
Chi phí khác	17.119.401	10.279.083
	17.777.106.588	123.806.099

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.986.468.121	(9.407.065.023)
Các khoản điều chỉnh tăng	69.332.532	76.248.443
- Chi phí không hợp lệ	69.332.532	76.248.443
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.055.800.653)	(14.776.457)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.055.800.653)	-
- Chênh lệch tỷ giá	-	(14.776.457)
Tổng thu nhập tính thuế	-	(9.345.593.037)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25,00%	25,00%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(4.543.977)	(340.238.723)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được hoàn trong năm		408.735.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(73.040.456)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(4.543.977)	(4.543.977)

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.986.468.121	(9.407.065.023)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.986.468.121	(9.407.065.023)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	498	(1.568)

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.484.918.498	70.339.471.829
Chi phí nhân công	21.907.080.151	23.528.024.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.510.758.224	18.680.711.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.105.726.533	77.251.824.124
Chi phí khác bằng tiền	985.656.879	1.145.517.300
	219.994.140.285	190.945.549.721

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.496.170.013	-	2.687.626.063
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.733.846.598	(185.771.630)	24.168.745.889
	28.230.016.611	(185.771.630)	26.856.371.952
		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	81.817.722.790	110.628.958.357
Phải trả người bán, phải trả khác	16.860.954.310	26.491.498.362
Chi phí phải trả	4.302.668.935	8.194.967.027
	102.981.346.035	145.315.423.746

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.496.170.013	-	-	14.496.170.013
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.548.074.968	-	-	13.548.074.968
	28.044.244.981	-	-	28.044.244.981
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.687.626.063	-	-	2.687.626.063
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.982.974.259	-	-	23.982.974.259
	26.670.600.322	-	-	26.670.600.322

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2013				
Vay và nợ	18.951.235.000	62.866.487.790	-	81.817.722.790
Phải trả người bán, phải trả khác	16.860.954.310	-	-	16.860.954.310
Chi phí phải trả	4.302.668.935	-	-	4.302.668.935
	40.114.858.245	62.866.487.790	-	102.981.346.035
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	28.896.143.417	81.732.814.940	-	110.628.958.357
Phải trả người bán, phải trả khác	26.491.498.362	-	-	26.491.498.362
Chi phí phải trả	5.994.967.027	2.200.000.000	-	8.194.967.027
	61.382.608.806	83.932.814.940	-	145.315.423.746

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

· NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 · BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.986.621.501	67.218.596.070	230.205.217.571
Chi phí bộ phận trực tiếp	150.029.096.305	62.675.887.978	212.704.984.283
Chi phí không phân bổ	-	-	13.298.550.334
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.957.525.196	4.542.708.092	4.201.682.954
Tài sản bộ phận trực tiếp	162.952.336.243	11.644.664.710	174.597.000.953
Tài sản không phân bổ	-	-	15.428.444.129
Tổng tài sản	162.952.336.243	11.644.664.710	190.025.445.082
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	99.137.827.306	4.730.137.721	103.867.965.027
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	3.545.542.874
Tổng nợ phải trả	99.137.827.306	4.730.137.721	107.413.507.901

Theo khu vực địa lý

	<u>Trong nước</u>	<u>Quốc tế</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.208.842.256	151.996.375.315	230.205.217.571
Tài sản bộ phận	-	-	190.025.445.082
Nợ phải trả bộ phận	-	-	107.413.507.901

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	758.232.064	1.421.373.532

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	427.201.251	1.056.615.470
Phải trả khác			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	914.362.597	1.341.454.769

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	692.095.261	492.637.525

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.